

Hoàn thiện chế định người thân trong pháp luật Việt Nam

Nguyễn Thị Mỹ Linh*, Lâm Bá Khánh Toàn**

Nhận ngày 21 tháng 2 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 6 năm 2024.

Tóm tắt: Trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam, đặc biệt là các văn bản liên quan đến dân sự, hôn nhân, gia đình và hình sự, thuật ngữ “người thân thích” được sử dụng với những cách hiểu khác nhau. Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Thi hành án dân sự, Luật Doanh nghiệp... và các văn bản quy phạm pháp luật khác là những ví dụ điển hình về việc sử dụng thuật ngữ người thân thích với nội hàm và phạm vi không giống nhau. Trong phạm vi bài viết này, nhóm nghiên cứu sẽ đưa ra những phân tích rõ ràng hơn về ý tưởng và cách bố trí hướng dẫn đo lường phạm vi điều chỉnh cho người thân. Bên cạnh đó, mục đích của bài viết này là phân tích một số bất cập trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về người thân và đưa ra một số kiến nghị về vấn đề được đề cập.

Từ khóa: Người thân, người có quan hệ họ hàng, thuật ngữ pháp lý, thành viên gia đình.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: In many Vietnamese legal documents, particularly those pertaining to civil, marriage, family, and criminal matters, the term “relatives” is used with various interpretations. The Civil Code, Criminal Procedure Code, the Law on Marriage and Family, the Law on Civil Judgment Execution, the Law on Enterprises, etc., and other legal documents are typical examples of the use of the term “relatives” with different connotations and scopes. Within the scope of this article, the authors provide a clearer analysis of the idea and layout guidelines for measuring the scope of adjustment for relatives. Besides, this article also analyzes some shortcomings in the practical application of Vietnamese law's rules regarding relatives and to make several recommendations.

Keywords: Relatives, kin, legal term, family member.

Subject classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Thuật ngữ “người thân” hay “người thân thích” có tên tiếng anh là “relatives” (từ gốc Latinh là relativus) được hiểu theo từ điển Oxford Languages là những người có mối quan hệ hôn nhân hoặc huyết thống (Oxford Languages, 2023), còn theo từ điển Cambridge có nghĩa là những thành viên trong gia đình (Cambridge dictionary, 2023). Có thể nói, thuật ngữ người thân thích sử dụng không thống nhất và có sự khác biệt giữa các quốc gia, thậm chí có sự khác biệt là giữa các đạo luật trong cùng một quốc gia do các quan hệ xã hội và sự kiện pháp lý hướng đến đối tượng người thân thích là khác nhau.

Lược khảo các công trình nghiên cứu liên quan đến bài viết, nghiên cứu của tác giả Warren (2007) cho rằng, mối quan hệ họ hàng thân thích phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Cụ thể, theo tác giả những người thân thích được gắn kết với nhau thông qua các quan hệ thừa kế, quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và dưới tác động của sự đa dạng văn hoá, tập quán, sự

*,** Trường Đại học Cần Thơ.

Email: mylinh@ctu.edu.vn, lbktoan@ctu.edu.vn

phát triển của kinh tế mà có sự khác biệt về thuật ngữ và phạm vi của mối quan hệ họ hàng. Việc phân tích các học thuyết pháp lý, các quyết định tư pháp và những đổi mới trong các công cụ pháp lý chắc chắn vẫn là một nhiệm vụ quan trọng trong việc phân tích tổ chức họ hàng. Vì vậy, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa những người thân thích dưới góc độ pháp lý cần linh hoạt và tiếp nhận sự khác biệt giữa các khái niệm dựa trên việc lý giải từ sự đa dạng về kinh tế xã hội của các quốc gia, cụ thể là các quốc gia tại châu Âu (Warren, 2007).

Trong một nghiên cứu khác, Miller (2002) cho rằng việc xác định mối quan hệ giữa các thành viên gia đình tại Mỹ qua các giai đoạn lịch sử cho thấy các thành viên gia đình bao gồm nhiều cấp bậc và chủng tộc khác nhau. Mô hình thành viên gia đình trong xã hội Mỹ cổ xưa là một nhóm gồm tất cả những người ăn, ngủ, làm việc và sống cùng nhau, dựa trên mối quan hệ huyết thống, hôn nhân, nuôi dưỡng và phát sinh một cách tự nhiên với nhau. Việc xác định thành viên gia đình được xét theo ba cách cơ bản dựa vào ba mối quan hệ đơn phương, song phương hay đa phương như sau: *Một là*, mối quan hệ họ hàng đơn phương xảy ra ở những xã hội đông dân và phức tạp hơn, nơi nó chỉ được truy tìm thông qua người cha hoặc chỉ qua người mẹ tùy thuộc họ theo chế độ phụ hệ hay mẫu hệ mà xác định người thân thích trong gia đình gồm những ai; *Hai là*, mối quan hệ họ hàng song phương được tính bao gồm họ hàng bên cả cha và mẹ trong khoảng ba thế hệ; *Ba là*, các mối quan hệ họ hàng đa phương có thể được truy tìm thông qua cả cha lẫn mẹ, kết hợp với việc gắn với nơi cư trú và các quan hệ xã hội phát sinh với nhau chẳng hạn từ quan hệ thừa kế mà phạm vi thành viên gia đình sẽ được xác định khác nhau. Vì vậy, mối quan hệ họ hàng đã và không phải ở đâu cũng giống nhau tại xã hội Mỹ qua các giai đoạn lịch sử (Miller, 2002).

Chẳng hạn tại Mỹ với những quy định hiện hành (Center for American Progress, 2020), nhằm đảm bảo việc kê khai tài sản của các thành viên điều hành chính phủ được minh bạch và trung thực, theo Công bố tài chính công hướng dẫn thi hành Luật Đạo đức trong Chính phủ được ban hành ngày 26/10/1978 (U.S. Office of Government Ethics, 2023) đã giải thích người thân thích của các cá nhân cần kê khai là những người có quan hệ họ hàng với họ như cha, mẹ, con trai, con gái, anh trai, chị gái, chú, dì, anh họ, cháu trai, cháu gái của bạn, chồng, vợ, ông, bà, cháu, cháu gái, bố vợ, mẹ chồng, con rể, con dâu, anh rể, chị dâu, cha dượng, mẹ kế, con riêng, con gái riêng, anh kế, chị kế, anh cùng cha khác mẹ, chị gái cùng cha khác mẹ hoặc ai là ông nội, bà ngoại của vợ/chồng bạn. Người thân thích cũng bao gồm hôn phu hoặc hôn thê của họ (U.S. Office of Government Ethics, 2023). Ở một đạo luật khác, Bộ luật Thống nhất về Tư pháp Quân sự Hoa Kỳ định nghĩa Tội theo dõi, rình rập¹ bao gồm bất kỳ hành động nào khiến một cá nhân, bạn tình của họ hoặc gia đình trực hệ của họ lo sợ về cái chết hoặc tổn hại cơ thể. Những người thân thích đó bao gồm vợ chồng; anh chị em ruột; cha mẹ; trẻ em, kể cả những đứa trẻ mà nạn nhân đứng cạnh; và bất kỳ thành viên nào khác trong gia đình có quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân với nạn nhân.

Tại Việt Nam, thuật ngữ người thân thích được đề cập đến trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực dân sự, hôn nhân gia đình và tổ tụng dân sự, hình sự. Những văn bản quy phạm pháp luật đề cập đến thuật ngữ này có thể kể đến như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Công chứng, Luật Thi hành án dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật khác.

¹ Theo Bộ luật Hoa Kỳ § 930 - Điều 130 Tội theo dõi, rình rập.

Tuy nhiên, do mỗi văn bản có đối tượng điều chỉnh và góc độ tiếp cận không giống nhau nên dẫn đến đối tượng người thân thích được xác định không nhất quán trong các văn bản này. Chính vì vậy, việc nghiên cứu chế định người thân là cần thiết hơn bao giờ nhằm giúp xác định rõ đối tượng tác động là bao gồm những ai. Trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả sẽ phân tích rõ hơn khái niệm và đề ra nguyên tắc xác định phạm vi điều chỉnh đối với người thân thích. Bằng việc sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp quy nạp và diễn dịch, bài viết sẽ làm rõ các quy định liên quan đến người thân thích một cách chi tiết trên cơ sở phân tích những quy định trong pháp luật Việt Nam hiện hành và so sánh với pháp luật của một số nước. Từ đó, bài viết đề ra nguyên tắc xác định phạm vi người thân thích nhằm giải quyết trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật không quy định chi tiết.

2. Khái niệm người thân thích

Thuật ngữ người thân thích được đề cập đến khá nhiều trong các văn bản quy phạm pháp luật với những đối tượng được liệt kê có sự khác biệt đáng kể. Đặc biệt, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là văn bản đưa ra khái niệm về người thân thích bao gồm người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời. Quan hệ hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn và khái niệm này được hiểu khá thống nhất cho tất cả hệ thống pháp luật² trên thế giới (Gough E. Kathleen, 1959). Có thể nói, quan hệ hôn nhân là quan hệ nền tảng để xây dựng nên những mối quan hệ khác trong hôn nhân và gia đình sau đó như quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng (Tynan Caroline, 1997). Về quan hệ nuôi dưỡng được nghĩ đến đầu tiên là quan hệ cha mẹ con bao gồm cha mẹ con ruột quan hệ này được nhắc đến tại Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình. Cha mẹ nuôi với con nuôi và cha dượng, mẹ kế đối với con riêng của vợ chồng cũng là những đối tượng có thể phát sinh quan hệ nuôi dưỡng nhau nếu họ thực hiện những thủ tục pháp lý đảm bảo để phát sinh quan hệ cha, mẹ, con theo quy định tại Điều 8 và 14 Luật Nuôi con nuôi. Về quan hệ huyết thống chủ yếu xoay quanh quan hệ giữa người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời, bao gồm giữa ông bà, cha mẹ với cháu, giữa anh chị em với nhau và giữa cô dì chú bác với cháu.

Với sự phát triển của xã hội hiện đại, mô hình gia đình cũng có nhiều sự thay đổi (Bauman, Kurt J, 1999) từ gia đình nhiều thế hệ cùng chung sống, gia đình hạt nhân có cha mẹ và con đến gia đình đơn thân chỉ có cha hoặc mẹ và con (Eric D. Widmer, 2006). Ngoài ra, sự thay đổi trong hình thức chung sống và kết hôn khi có ngày càng nhiều cặp đôi lựa chọn quan hệ chung sống không đăng ký kết hôn, quan hệ hôn nhân đồng tính. Vì vậy, các khái niệm trong hôn nhân và gia đình có nhiều sự thay đổi (Olson David H & et al, 1979) nên cần được nhìn nhận và phân tích tổng thể trong đó bao gồm cả khái niệm người thân thích.

Như vậy, các phân tích từ nhiều nguồn khác nhau cho thấy khái niệm người thân thích có đối tượng được xác định không giống nhau tùy thuộc ngành luật và mục đích điều chỉnh của từng ngành luật mà phạm vi tác động sẽ tùy biến. Qua đó, khái niệm người thân thích có thể hiểu là những thành viên trong gia đình có mối quan hệ thân thiết với nhau được xác lập thông qua quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng.

² Theo hệ thống pháp luật Mỹ, gia đình trên xây dựng dựa trên mối quan hệ hôn nhân, huyết thống và những người cùng chung sống với nhau, xem (Tynan Caroline, 1997).

3. Xác định nội hàm chế định người thân thích trong các văn bản luật

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, chế định người thân thích được đề cập ở nhiều ngành luật khác nhau. Nhìn chung, chế định người thân thích điều chỉnh ba nhóm vấn đề chính: (1) pháp luật quy định nhóm người thân thích có những quyền lợi, đặc quyền nhất định với nhau (quyền thừa kế, nhóm được nhờ mang thai hộ, người thân thích làm giám hộ đương nhiên); (2) pháp luật điều chỉnh nhóm người thân thích bị loại trừ nhau do có xung đột lợi ích (đương sự yêu cầu thay đổi chấp hành viên thi hành án nếu giữa họ có quan hệ thân thích, Thẩm phán và Hội thẩm nếu là người thân thích thì phải từ chối hoặc bị thay đổi trong pháp luật về tố tụng); (3) pháp luật quy định nhóm người thân thích phát sinh nghĩa vụ, hoặc trách nhiệm pháp lý từ quan hệ thân thích (tội che giấu tội phạm đối với người thân thích không tố giác tội phạm). Những văn bản chính yếu có thể đề cập bao gồm:

Một là, Bộ luật Dân sự. Đối tượng người thân thích hướng đến trong pháp luật dân sự bao gồm cả những người thân thích có đặc quyền và xung đột lợi ích với nhau. Mỗi quan hệ thân thích dẫn đến phát sinh một số đặc quyền có thể kể đến là những người thân thích hưởng thừa kế theo pháp luật của nhau (Điều 651 Bộ luật Dân sự), việc cử người giám hộ là người thân thích (Điều 51 Bộ luật Dân sự). Nhóm người thân thích có xung đột lợi ích dẫn đến bị loại trừ nhau, chẳng hạn người làm chứng cho việc lập di chúc không thể là người thừa kế theo di chúc hoặc thừa kế theo pháp luật (Điều 632 Bộ luật Dân sự).

Bộ luật Dân sự năm 2015 không đưa ra định nghĩa về người thân thích, tuy nhiên khoản 1 Điều 51 Bộ luật dân sự năm 2015 có liệt kê một số đối tượng có thể xem là người thân thích của người được giám hộ. Cụ thể tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Dân sự năm 2015 liệt kê những chủ thể sau được xem là người thân thích của người được giám hộ: “là vợ, chồng, cha, mẹ, con của người được giám hộ; là ông, bà, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được giám hộ; là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người được giám hộ”.

Như vậy, theo quy định trên thì có tất cả 15 diện được liệt kê là người thân thích của người được giám hộ bao gồm vợ, chồng, cha, mẹ, con; ông, bà, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được giám hộ; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột.

Đặc biệt, trong quy định về thừa kế theo pháp luật được đề cập trong chính Bộ luật Dân sự thì đối tượng được hưởng thừa kế theo pháp luật được xác định dựa trên mối quan hệ thân thích giữa người thừa kế và người để lại di sản. Cụ thể, người thừa kế theo pháp luật chỉ có thể là cá nhân và phải là người có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng đối với người để lại di sản. Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 liệt kê những người thừa kế theo pháp luật sau đây sẽ thuộc hàng và diện thừa kế của người để lại di sản: Hàng thứ nhất bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi; Hàng thứ hai bao gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột, cháu ruột; Hàng thứ ba bao gồm: cụ nội, cụ ngoại; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; cháu ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

Như vậy, nếu căn cứ vào ba hàng thừa kế theo pháp luật của người để lại di sản dựa trên ba mối quan hệ huyết thống, hôn nhân và nuôi dưỡng thì có tất cả 25 diện thuộc đối tượng có thể hưởng thừa kế của nhau. Tuy nhiên, thứ tự ưu tiên hưởng thừa kế của 25 diện là có sự khác nhau dựa vào hàng thừa kế. Hàng thừa kế thứ nhất được xem là những người có quan hệ thân thuộc nhất với người để lại di sản nên họ được ưu tiên để gọi hưởng thừa kế. Hàng thừa kế thứ nhất phát sinh trên cơ sở quan hệ hôn nhân (vợ, chồng) quan hệ huyết thống (cha

đẻ, mẹ đẻ, con đẻ), quan hệ nuôi dưỡng (cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi) giữa người thừa kế và người để lại di sản.

Điều này chứng tỏ, đối tượng để hưởng thừa kế theo pháp luật ở hàng thừa kế thứ nhất không chỉ là quan hệ hôn nhân, huyết thống mà còn quan hệ nuôi dưỡng. Tức, không có sự phân biệt đối xử con sinh ra do huyết thống hay con do nuôi dưỡng khi xem xét quyền hưởng di sản của người chết và họ đều được xem là đối tượng thân thuộc nhất để hưởng di sản của cha, mẹ và ngược lại quyền thừa kế của cha mẹ đối với con.

Hai là, Bộ luật Tố tụng hình sự. Dưới góc độ khoa học pháp lý tố tụng hình sự, Thẩm phán và Hội thẩm phải từ chối hoặc bị thay đổi nếu giữa họ là người thân thích với nhau (Điều 53 Bộ luật Tố tụng hình sự), tương tự những người tiến hành tố tụng phải từ chối hoặc bị thay đổi nếu có quan hệ thân thích (Điều 49 Bộ luật Tố tụng hình sự). Về khái niệm người thân thích trong tố tụng hình sự, tại Điểm e Khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021 có liệt kê những người sau đây bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột; cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, cháu ruột là người thân thích của người tham gia tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Như vậy, có tất cả 27 diện được xem là người thân thích của người tham gia tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Nếu đối chiếu với Bộ luật Dân sự thì các trường hợp được liệt kê trong Bộ luật Tố tụng hình sự nhiều hơn, cụ thể bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ cũng được xem là người thân thích. Tuy nhiên, việc nhiều hơn diện người thân thích cũng chỉ mang tính chất tham khảo và tùy thuộc văn bản quy phạm pháp luật đang được áp dụng là văn bản nào thì sẽ căn cứ vào đó để xác định đối tượng người thân thích.

Ba là, Bộ luật Hình sự. Dưới góc độ khoa học pháp lý hình sự, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 không đề cập đến chế định người thân thích nhưng lại liệt kê trong một vài trường hợp cụ thể. Chẳng hạn, tại Điều 18 quy định về che giấu tội phạm có xác định người che giấu tội phạm các trường hợp là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội. Đối tượng được liệt kê trong pháp luật hình sự có vẻ ít hơn hẳn so với Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng hình sự bởi do tính chất nghiêm trọng và tính chịu trách nhiệm trong pháp luật hình sự nên nhà làm luật cũng dè dặt hơn khi liệt kê người thân thích của người phạm tội được hưởng điều kiện không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi che giấu tội phạm.

Bốn là, Luật Hôn nhân và gia đình. Được xem là văn bản luật chuyên ngành nên Luật Hôn nhân và gia đình là văn bản quy phạm pháp luật giải thích chi tiết và đầy đủ hơn cả cho các mối quan hệ thân thích. Cụ thể khoản 19 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình nêu ra khái niệm người thân thích bao gồm người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời.

Để giải thích rõ hơn các mối quan hệ này thì khoản 16, 17, 18 Điều 3 đã nêu ra các định nghĩa về thành viên gia đình, những người cùng dòng máu trực hệ, những người có họ trong phạm vi ba đời. Trong đó, khái niệm thành viên gia đình liệt kê tất cả 31 diện người thân thích bao gồm các mối quan hệ từ vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột đến cháu ruột.

Như vậy, diện được liệt kê là người thân thích trong Luật Hôn nhân và gia đình rất rộng và có thể bao quát hết các mối quan hệ thân thích xuất phát từ huyết thống, hôn nhân và nuôi dưỡng. Chỉ những người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời mới được pháp luật quy định là người thân thích. Những người có quan hệ gia đình gần gũi khác nhưng không thuộc các trường hợp nêu trên (như anh, chị, em vợ hoặc anh, chị, em chồng; thông gia...) không được pháp luật coi là người thân thích (Phạm Thanh Bình, 2017). Bên cạnh đưa khái niệm người thân thích, pháp luật hôn nhân và gia đình còn cấm việc kết hôn giữa họ với nhau. Ví dụ, điểm b khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình cấm kết hôn giữa những người cùng dòng máu trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

Năm là, các văn bản luật khác. Tại khoản 5 Điều 21 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014, 2018, 2020, 2022 thì đương sự có quyền yêu cầu thay đổi chấp hành viên là người thân thích trong trường hợp chấp hành viên có liên quan đến quyền, lợi ích của bản thân và những người sau đây: a) Vợ, chồng, con đẻ, con nuôi; b) Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, bác, chú, cậu, cô, dì và anh, chị, em ruột của Chấp hành viên, của vợ hoặc chồng của Chấp hành viên; c) Cháu ruột mà Chấp hành viên là ông, bà, bác, chú, cậu, cô, dì. Luật Thi hành án dân sự không sử dụng thuật ngữ nào liên quan đến người thân thích và thay vào đó luật sử dụng phương pháp liệt kê từng đối tượng cụ thể.

Tương tự, khoản 3 và 5 Điều 20 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 không đề cập đến thuật ngữ người thân thích nhưng liệt kê cụ thể người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giao dịch, mua bán hàng hóa, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

Giống như Luật Thi hành án dân sự và Luật Phòng, chống tham nhũng, Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 liệt kê các trường hợp cụ thể rằng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng đối với cha, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc) và các chức danh tương đương.

Ngoài ra, khoản 1 Điều 45 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019 quy định người tiến hành tố tụng phải từ chối hoặc bị thay đổi nếu có quan hệ thân thích, tuy nhiên không đưa ra giải thích như thế nào là người có quan hệ thân thích. Tương tự, Điều 65 Luật Cảnh tranh năm 2018 quy định thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, điều tra viên vụ việc cạnh tranh, thư ký phiên điều trần phải từ chối tiến hành tố tụng cạnh tranh hoặc bị thay đổi nếu có mối quan hệ thân thích với bên bị điều tra hoặc bên khiếu nại. Tuy nhiên, pháp luật cạnh tranh không giải thích thêm người có quan hệ thân thích trong tố tụng cạnh tranh bao gồm những ai.

Tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 giải thích người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu,

anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng. Theo đó, Khoản 3 Điều 64 và Khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp 2020 cấm giữ chức vụ giám đốc nếu giám đốc là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, Kiểm soát viên của công ty và của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty và công ty mẹ.

Tại khoản 8 Điều 3 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 liệt kê thân nhân của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là ông bà nội, ông bà ngoại; bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, bố mẹ vợ, bố mẹ chồng; vợ, chồng; anh chị em ruột hoặc con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; cháu ruột. Cụ thể, người bị tạm giam, tạm giữ được phép gặp người thân của họ một lần trong thời gian bị tạm giam, tạm giữ theo quy định tại Điều 22 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015.

Tại Điều 7 Luật Công chứng 2014 nghiêm cấm công chứng viên tiến hành công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ hoặc chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông, bà; anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi.

Tại Điều 30 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của họ như sau: a) Bố trí nơi tạm lánh khi nạn nhân, người thân thích của họ có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe; b) Giữ bí mật về nơi cư trú, nơi làm việc, học tập của nạn nhân và người thân thích của họ; c) Các biện pháp ngăn chặn hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản của nạn nhân, người thân thích của họ theo quy định của pháp luật; d) Các biện pháp bảo vệ khác theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

Tại khoản 6 Điều 3 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, xác định thân nhân của người tham gia đóng bảo hiểm xã hội bao gồm là con đẻ, con nuôi, vợ hoặc chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, mẹ nuôi, cha vợ hoặc cha chồng, mẹ vợ hoặc mẹ chồng. Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội thì thân nhân của người tham gia đóng bảo hiểm xã hội có thể được hưởng chế độ tử tuất trong một số trường hợp cụ thể khi người tham gia đóng bảo hiểm xã hội qua đời căn cứ vào mục 5 Chương III Luật Bảo hiểm xã hội.

Bảng 1. Tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật có đề cập thuật ngữ liên quan đến người thân thích

STT	Văn bản quy phạm pháp luật	Điều luật quy định	Thuật ngữ sử dụng liên quan đến người thân thích
1.	Bộ luật Dân sự năm 2015	Điều 51, Điều 651	người thân thích, người thừa kế theo pháp luật
2.	Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021	Điểm e Khoản 1 Điều 4	người thân thích
3.	Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017	Điều 18	người thân thích
4.	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014	Khoản 16, 17, 18, 19 Điều 3	người thân thích, người cùng dòng máu trực hệ, người có họ trong phạm vi ba đời, thành viên gia đình

5.	Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014, 2018, 2020, 2022	Khoản 5 Điều 21	sử dụng phương pháp liệt kê (không đề cập thuật ngữ người thân thích)
6.	Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018	Khoản 3, và 5 Điều 20	sử dụng phương pháp liệt kê (không đề cập thuật ngữ người thân thích)
7.	Luật Các tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017	Điều 126	sử dụng phương pháp liệt kê (không đề cập thuật ngữ người thân thích)
8.	Luật Tổ tụng hành chính năm 2015	Khoản 1 Điều 45	người có quan hệ thân thích với người tiến hành tổ tụng hành chính
9.	Luật Cạnh tranh năm 2018	Điều 65	người có quan hệ thân thích với người tiến hành tổ tụng cạnh tranh
10.	Luật Doanh nghiệp năm 2020/	Khoản 22 Điều 4	người có quan hệ gia đình
11.	Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015	Khoản 8 Điều 3	thân nhân
12.	Luật Công chứng 2014	Điều 7	người thân thích
13.	Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011	Điều 30	người thân thích
14.	Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014	Khoản 6 Điều 3	thân nhân
15.	Nghị định 84/2014/NĐ-CP	Khoản 3 Điều 23	người có quan hệ gia đình
16.	Nghị định 31/2019/NĐ-CP	Khoản 2 Điều 5	sử dụng phương pháp liệt kê (không đề cập thuật ngữ người thân thích)
17.	Nghị định 10/2015/NĐ-CP	Khoản 7 Điều 2	người thân thích
18.	Nghị định 82/2020/NĐ-CP	Điều 59	sử dụng phương pháp liệt kê (không đề cập thuật ngữ người thân thích)

4. Quy định về chứng minh quan hệ thân thích

Một vấn đề phát sinh khi tiến hành áp dụng chế định người thân thích là việc chứng minh mối quan hệ thân thích thuộc trách nhiệm của chủ thể nào, thời điểm chứng minh từ bao giờ, cơ quan nào có thẩm quyền xác nhận mối quan hệ thân thích cũng như các loại giấy tờ được dùng để chứng minh mối quan hệ.

Thứ nhất, giấy tờ hoặc tài liệu để chứng minh mối quan hệ thân thích. Xét theo thực tiễn xét xử, căn cứ để cơ quan có thẩm quyền hoặc có liên quan xác định mối quan hệ thân thích thường được dựa vào một trong những chứng cứ sau: (1) dựa vào giấy khai sinh của các bên liên quan để xác định mối quan hệ huyết thống như cha mẹ - con, ông bà - cháu, thậm chí cô dì chú bác - cháu; (2) giấy chứng nhận kết hôn để xác minh mối quan hệ hôn nhân như vợ - chồng; (3) căn cước công dân và cơ sở dữ liệu để xác định, xác minh mối quan hệ hôn nhân và huyết thống; (4) quyết định hoặc bản án công nhận quan hệ thân thích. Ví dụ: nếu quan hệ cha mẹ nuôi - con nuôi được đăng ký theo đúng quy định pháp luật thì sẽ căn cứ vào quyết định công nhận quan hệ cha mẹ nuôi - con nuôi do Ủy ban nhân dân ban hành; (5) xác nhận của địa phương nơi cư trú của những người có mối quan hệ thân thích (Phan Trung Hiền, 2023). Thông thường, nếu gắn với nơi cư trú thì thẩm quyền xác nhận sẽ do Cơ quan công an cấp xã xác nhận theo Luật Cư trú năm 2021. Ví dụ: A và B chung sống như vợ chồng

trước ngày 03/01/1987 và không có đăng ký kết hôn. Nếu họ muốn nộp đơn xin ly hôn thì căn cứ để chứng minh là quan hệ hôn nhân (mối quan hệ vợ - chồng) thì có thể dựa vào khai sinh con hoặc xác nhận của cơ quan công an nơi họ cư trú về quan hệ chung sống thực tế trước ngày 03/01/1987 (Phan Trung Hiền, 2023). Ngoài ra, chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu là giấy tờ cần thiết để chứng minh nhân thân của mỗi cá nhân bởi trên giấy còn có hình ảnh nhận diện.

Thứ hai, chủ thể cần chứng minh mối quan hệ thân thích là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Thông thường, việc chứng minh xảy ra khi quyền lợi, nghĩa vụ phát sinh, ví dụ Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021 chứng minh cần thiết trong trường hợp “chứng minh đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt” (Nguyễn Trường Thọ, 2017). Tuy nhiên, suy cho cùng thời điểm chứng minh hợp lý nhất có lẽ là thời điểm mà quyền và nghĩa vụ chủ thể bị xâm phạm hay tự thấy cần được bảo vệ quyền của mình thì họ phải chứng minh (Markel Dan & et al., 2007).

5. Kiến nghị

Qua phân tích các quy định pháp luật, nhóm tác giả có một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chế định người thân thích trong pháp luật Việt Nam như sau:

Thứ nhất, cần hệ thống, chuẩn hóa thuật ngữ khi sử dụng trong các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm cả văn bản luật và dưới luật. Theo đó, nhóm tác giả cho rằng nên sử dụng thuật ngữ người thân thích thống nhất cho tất cả các văn bản quy phạm pháp luật, nhằm tránh sự nhầm lẫn không cần thiết. Vì vậy, những văn bản nào chưa sử dụng thuật ngữ thống nhất nên xem xét điều chỉnh thuật ngữ cho phù hợp trong tương lai.

Thứ hai, nhóm tác giả cho rằng cần thống nhất nội hàm của “người thân thích”. Nguyên tắc xác định như sau: (1) nếu luật chuyên ngành đang được áp dụng có điều chỉnh thì áp dụng chính quy định đó để xác định đối tượng người thân thích; (2) nếu luật chuyên ngành đang áp dụng không có quy định thì nên căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình làm nguyên tắc xác định. Bởi thực tế cho thấy chế định người thân thích chủ yếu xuất phát từ mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình bao gồm mối quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng. Vì vậy, Luật hôn nhân và gia đình phải được xem là văn bản chuyên ngành và có những quy định phù hợp hơn hết bởi các điều luật đều hướng đến việc xây dựng và bảo vệ các quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng.

6. Kết luận

Qua nghiên cứu, phân tích các quy định pháp luật, nhóm tác giả cho rằng nên thống nhất thuật ngữ “người thân thích” cho tất cả các văn bản quy phạm pháp luật, nhằm tránh sự nhầm lẫn không cần thiết. Vì vậy, những văn bản nào chưa sử dụng thuật ngữ thống nhất nên xem xét điều chỉnh thuật ngữ cho phù hợp trong tương lai. Bên cạnh đó, các cơ quan lập pháp cần thống nhất nội hàm của người thân thích theo hướng nếu luật chuyên ngành đang được áp dụng có điều chỉnh thì áp dụng chính quy định đó để xác định. Nếu luật chuyên ngành đang áp dụng không có quy định thì nên căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình làm nguyên tắc xác định người thân thích. Như vậy mới đảm bảo tính thống nhất trong các văn bản pháp luật quy định liên quan đến về thuật ngữ và nội hàm của chế định người thân thích trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Bauman, Kurt J. (1999). Shifting family definitions: The effect of cohabitation and other nonfamily household relationships on measures of poverty. *Demography*. 36.3.
- Cambridge dictionary. (2023). Relatives- English meaning. <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/relative>
- Center for American Progress. (2020). Expanding Definitions of Family in Federal Laws. <https://www.americanprogress.org/article/expanding-definitions-family-federal-laws/>
- Eric D. Widmer. (2006). Who Are My Family Members? Bridging and Binding Social Capital in Family Configurations, *Journal of Social and Personal Relationships* 23, no. 6. <https://doi.org/10.1177/0265407506070482>.
- Gough, E. Kathleen. (1959). The Nayers and the Definition of Marriage. *The Journal of the Royal Anthropological Institute of Great Britain and Ireland* 89, no. 1. <https://doi.org/10.2307/2844434>.
- Markel, Dan; Collins, Jennifer M.; Leib, Ethan J. (2007). Criminal Justice and the Challenge of Family Ties, *U. Ill. L. Rev.* <https://wakespace.lib.wfu.edu/bitstream/handle/10339/16010/Collins%20Criminal%20Justice%20and%20the%20Challenge%20of%20Family%20Ties.pdf?sequence=2>.
- Miller, J. (2002). Kinship, family kindreds, and community. *A companion to American Indian history*.
- Nguyễn Trường Thọ. (2017). Một số vấn đề về khái niệm “Người thân thích” theo BLTTHS năm 2015. <https://vksbacgiang.gov.vn/baiviet/71/7089>
- Oxford Languages. (2023). Relatives - English meaning. Từ điển tiếng anh được tìm kiếm trên google được cung cấp và giải thích bằng từ điển của Oxford <https://languages.oup.com/google-dictionary-en/>
- Olson, David H.; Sprenkle, Douglas H.; Russell, Candyce S. (1979). Circumplex model of marital and family systems: I. Cohesion and adaptability dimensions, family types, and clinical applications. *Family process*.
- Phạm Thanh Bình. (2017). Mức độ quan hệ thế nào được coi là 'người thân thích' của quan chức? <https://vnexpress.net/quan-he-the-nao-duoc-coi-la-nguoi-than-thich-cua-quan-chuc-3635881-p2.html>
- Phan Trung Hiền (chủ biên). (2023). Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Tynan, Caroline. (1997). A review of the marriage analogy in relationship marketing. *Journal of marketing Management*, 13.7.
- U.S.Office of Government Ethics. (2023). Mission, role, history, https://www.oge.gov/web/OGE.nsf/about_our-history
- U.S.Office of Government Ethics. (2023). Public Financial Disclosure Guide, <https://www.oge.gov/Web/278eGuide.nsf/Content/Definitions~Relative#:~:text=For%20purposes%20of%20financial%20disclosure,%2C%20mother%2Din%2Dlaw%2C>
- Warren, D. (2007). *Kinship in Europe: a new approach to long-term development*. <https://doi.org/10.5167/uzh-62374>